

Số: **107/2022/QĐST- HNGĐ**

Đống Đa, ngày 08 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213; Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc: yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Chị Trần Thái B, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: phường L, quận Đ, Hà Nội.

Anh Trần Đức H, sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú: phường L, quận Đ, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tình cảm: Anh Trần Đức H và chị Trần Thái B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội, ngày 23/3/2001.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, cuộc sống chung không hạnh phúc; anh chị đã sống ly thân, không quan tâm, không chăm sóc nhau.

Anh H, chị B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều đề nghị Tòa án công nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Con chung: Anh H, chị B xác nhận có 02 con chung là T Đ H A (nam), sinh ngày 27/10/2001; T Đ G H (nam), sinh ngày 08/7/2011; Anh chị thống nhất: Ly hôn, chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu H; anh H tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu H; Cháu H A đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển B thường, anh chị không có yêu cầu gì.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh H, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Anh H, chị B xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí: Anh H, chị B thống nhất để chị B chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn.

Xét thấy: Sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về nội dung hòa giải đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa: **Anh Trần Đức H và chị Trần Thái B.**

2. Con chung: Xác nhận anh H, chị B có 02 con chung là T Đ H A (nam), sinh ngày 27/10/2001; T Đ G H (nam), sinh ngày 08/7/2011. Giao cháu H cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu H đối với anh H cho đến khi đương sự có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế; Cháu H A đã thành niên, khỏe mạnh, nên không xét.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh H, chị B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Nợ chung: Anh H, chị B đều xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

5. Lệ phí Tòa án: Anh H, chị B thống nhất để chị B chịu toàn bộ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0069685 ngày 21/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Quân